

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Liên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Dũng Tấn

Bà Trần Thị Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tô Loan - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa: Bà Hoàng Thị Minh - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2024, tại Toà án nhân dân huyện Thiệu Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Doãn Văn C, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Tiểu khu X, thị trấn T, huyện TH, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Doãn Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện qua thời gian tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2006 tại UBND xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Bình Dương. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì do dịch COVID anh C mang con về quê sinh sống với ông bà nội, nhưng chị N không về mà một mình vẫn tiếp tục sinh sống trong Bình Dương. Đến Tết năm 2024 thì chị N mới về quê sinh sống cùng bố con anh. Trong thời gian chị N sinh sống một mình trong Bình Dương thì anh và gia đình liên tục gọi điện bảo về nhưng chị N không về, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt do không ở gần nhau. Hiện nay vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng không còn tình cảm và tiếng nói chung mặc dù hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục

đích hôn nhân không đạt được nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Nh.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Văn H, sinh ngày 19/9/2007 và Doãn Văn L, sinh ngày 15/12/2012. Vợ chồng ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết để anh được nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/cháu cả hai cháu là 4.000.000đ/tháng. Trường hợp không được nuôi dưỡng cả hai con thì anh C đề nghị Tòa án theo nguyện vọng của các con. Cháu H từ nhỏ đã thiếu tình cảm của mẹ, cháu đã lớn hơn nên giao cho chị N cho phù hợp, còn cháu L trong thời gian 03 năm chị N ở Bình Dương thì cháu L ở với anh và ông bà nội, nguyện vọng của cháu L cũng muốn ở với bố nên anh đề nghị Tòa án giải quyết giao cháu L cho anh nuôi dưỡng, còn giao cháu H cho chị N nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Trần Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị thống nhất với ý kiến của anh C về thời gian, điều kiện kết hôn, quá trình chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại Bình Dương. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó do dịch bệnh COVID xảy ra anh C mang theo hai con nhỏ về quê nội trước, còn chị N vẫn ở lại Bình Dương làm việc. Sau đó anh C nói về quê nhưng ở quê chưa có nhà, ông bà thì già yếu với bảo hiểm của chị chưa đủ năm nên chị chưa về luôn thời điếm đó được, vợ chồng phải sống xa nhau, chỉ có dịp lễ Tết thì chị N mới về thăm gia đình. Trong thời gian sống xa nhau thì chị N có nghe phong phanh chuyện anh C có dấu hiệu không chung thủy, có mối quan hệ không rõ ràng với người bạn học nhưng không có chứng cứ. Chị N thấy anh C có sự thay đổi tình cảm với chị, không quan tâm yêu thương chị và gần đây anh C làm đơn xin ly hôn chị. Bản thân chị N xét thấy vẫn còn tình cảm với anh C, hơn nữa việc chị phải xa chồng con cũng vì mục đích xây dựng kinh tế chăm lo cho con. Nay anh C ly hôn chị xác định không còn tình cảm với anh C nên cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Doãn Văn H, sinh ngày 19/9/2007 và Doãn Văn L, sinh ngày 15/12/2012. Hiện nay cả hai con đang ở với anh C. Trường hợp vợ chồng nếu phải ly hôn thì nguyện vọng của chị N là trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, nếu không được nuôi dưỡng cả hai con thì chị N đề nghị được nuôi dưỡng cháu Doãn Văn L và cháu H từ nhỏ đã ở với ông bà nội, cháu đã gần trưởng thành nên nhận thức được, còn cháu L đang còn nhỏ cần sự quan tâm chăm sóc từ mẹ.

Về tài sản chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ do địa phương cung cấp thể hiện: Anh Doãn Văn C và chị Trần Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 10/10/2006 tại UBND xã Đà Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Sau khi cưới anh chị vào miền Nam sinh sống. Năm 2021 sau khi xảy ra dịch Covid thì thấy anh C và 02 con về quê sinh sống ổn định từ năm 2021 đến nay. Chị N vẫn ở lại làm ăn trong miền Nam,

chỉ dịp lễ Tết được nghỉ thì mới về với chồng con. Cuối năm 2023 bố chồng chị N chết nên chị N về chịu tang, sau đó vợ chồng có xảy ra khúc mắc mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể thì chính quyền địa phương không nắm bắt được chỉ nghe nói là do vợ chồng sống xa nhau nên xảy ra việc ghen tuông. Hiện nay anh C làm nghề chống thấm, có nhà cửa ổn định, rộng rãi tại tiểu khu 8, thị trấn Thiệu Hóa. anh C, chị N có 02 con chung hiện nay cả hai cháu đang ở ổn định với bố và bà nội. Năm 2021 trở về trước anh chị ở trong miền Nam nuôi con, còn từ năm 2021 cho đến nay thì anh C là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con tại quê, chị N vẫn làm và sống trong miền Nam. Thời gian hiện tại do anh chị đang làm thủ tục ly hôn và con ốm nên chị N đang ở nhà chăm sóc 02 con.

Tại bản tự khai ngày 28/02/2024 và tại phiên tòa, cháu Doãn Văn H và Doãn Văn L có nguyện vọng được ở với bố.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Tòa án xử cho ly hôn với bị đơn, về con chung nguyện vọng được giao cháu Doãn Văn L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Doãn Văn H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bị đơn đề nghị Tòa án giải quyết giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, nếu không được thì đề nghị giao cháu Doãn Văn L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Hiện nay chị đang được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 5.286.000đ/tháng và chị có làm thêm tại cửa hàng kinh doanh vật tư nông nghiệp, thuốc bảo vệ thực vật thu nhập bình quân hàng tháng là 8.000.000đ, tổng thu nhập hàng tháng của chị là 13.286.000đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành nghiêm quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Điều 51, 55, 57, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Các Điều 271; 273; 278; 280 BLTTDS; Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Doãn Văn C và chị Trần Thị N.

Về con chung: Anh C và chị N có 02 con chung là Doãn Văn H, sinh ngày 19/9/2007 và Doãn Văn L, sinh ngày 15/12/2012. Anh, chị ly hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào độ tuổi và khả năng nhận thức của các cháu nên giao cháu Doãn Văn L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Doãn Văn H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Anh Doãn Văn C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tranh chấp giữa nguyên đơn anh Doãn Văn C và chị Trần Thị N là Tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Bị đơn có địa chỉ tại tiểu khu 8, thị trấn Thiệu Hóa, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2]. Về nội dung:

* *Về hôn nhân*: Anh Doãn Văn C và chị Trần Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình anh chị chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng có thời gian ở xa nhau từ năm 2021 đến cuối năm 2023. Quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn của anh chị đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C và chị N là phù hợp theo Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

* *Về con*: Quá trình giải quyết vụ án anh, chị đều thừa nhận vợ chồng có 02 con chung là Doãn Văn H, sinh ngày 19/9/2007 và Doãn Văn L, sinh ngày 15/12/2012. Ly hôn quan điểm của anh, chị là được nuôi dưỡng cháu Doãn Văn L. Xét nguyện vọng nuôi con của cả hai người đều chính đáng, về điều kiện nuôi con cả anh C và chị N đều có thu nhập. Tuy nhiên, trách nhiệm nuôi con thuộc về cả bố và mẹ, do cháu L còn nhỏ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ, còn cháu H lớn hơn phần nào đã nhận thức và tự chăm sóc bản thân nên giao cho bố chăm sóc sẽ phù hợp hơn. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của các cháu, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần giao cháu Long cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

* *Về tài sản*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

* *Về công nợ*: Anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Doãn Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51; 55; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; 273; 278; 280 của BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Doãn Văn C và chị Trần Thị N thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Công nhận 02 cháu Doãn Văn H, sinh ngày 19/9/2007 và Doãn Văn L, sinh ngày 15/12/2012 là con chung của anh C, chị N. Giao cháu

Doãn Văn L cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Doãn Văn H cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh C, chị N có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Doãn Văn C phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001809 ngày 22/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Anh C đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị : Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thiệu Hóa
- UBND xã Đà Sơn, huyện Đ, Nghệ An;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Trần Thị Liên